

## 就業服務法攸關雇主及外勞之重要條文宣導

NHỮNG ĐIỀU QUAN TRỌNG CỦA “LUẬT PHỤC VỤ TÁC NGHIỆP” LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỬ DỤNG VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI  
中華民國九十六年五月二十三日華總一義字第 0 九六 000 六四一五一號令修正公布

PHÁP LỆNH SỐ 09600064151 SỬA ĐỔI VÀ CÔNG BỐ NGÀY 23 THÁNG 5 NĂM TRUNG HOA DÂN QUỐC 96

第五條為保障國民就業機會平等,雇主對求職人或所僱用員工,不得以種族、階級、語言、思想、宗教、黨派、籍貫、出生地、性別、性傾向、年齡、婚姻、容貌、五官、身心障礙或以往工會會員身分為由,予以歧視;其他法律有明文規定者,從其規定。

ĐIỀU 5: ĐỂ BẢO VỆ CƠ HỘI VIỆC LÀM CỦA NHÂN DÂN TRONG NƯỚC, NGƯỜI CHỦ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG TRONG KHI TUYỂN DỤNG NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG ĐƯỢC KỶ THỊ CHủng TỘC, GIAI CẤP, NGÔN NGỮ, TƯ TƯỞNG, TÔN GIÁO, ĐẢNG PHÁI, QUÊ QUÁN, NƠI SINH, GIỚI TÍNH, KHUYNH HƯỚNG TÌNH DỤC, TUỔI TÁC, HÔN NHÂN, DUNG MAO, NGŨ QUAN, THƯƠNG TẬT VỀ THỂ XÁC VÀ TINH THẦN HOẶC VÌ TRƯỚC ĐÂY LÀ HỘI VIÊN CỦA TỔ CHỨC NÀO ĐÓ MÀ KHÔNG NHẬN VÀO LÀM VIỆC; CÔNG DÂN CÓ CÔNG VĂN QUY ĐỊNH KHÁC CỦA PHÁP LUẬT CẦN PHẢI TUÂN THEO QUY ĐỊNH NHÓ.

雇主招募或僱用員工,不得有下列情事:

CHỦ SỬ DỤNG TUYỂN MỘ HOẶC THUÊ DÙNG NHÂN VIÊN KHÔNG ĐƯỢC CÓ NHỮNG HÀNH VI NHƯ SAU:

一、為不實之廣告或揭示。

QUẢNG CÁO HOẶC CÔNG BỐ KHÔNG ĐÚNG SỰ THẬT

二、違反求職人意思,留置其國民身分證、工作憑證或其他證明文件。

LÀM TRÁI VỚI MONG MUỐN CỦA NGƯỜI XIN VIỆC, LƯU GIỮ CHỨNG MINH THƯ CỦA NGƯỜI XIN VIỆC, VẪN BẰNG CÔNG VIỆC HOẶC CÁC VẪN BẢN CHỨNG NHẬN KHÁC CỦA NGƯỜI XIN VIỆC

三、扣留求職人財物或收取保證金。

THU GIỮ CỦA CẢI VẬT CHẤT HOẶC THU TIỀN ĐẶT CỌC CỦA NGƯỜI XIN VIỆC

四、指派求職人從事違背公共秩序或善良風俗之工作。

SAI KHIẾN NGƯỜI XIN VIỆC LÀM NHỮNG CÔNG VIỆC VI PHẠM TRẬT TỰ CÔNG CỘNG HOẶC PHÁ HOẠI THUẦN PHONG MỸ TỤC.

五、辦理聘僱外國人之申請許可、招募、引進或管理事項,提供不實資料或健康檢查檢體。

LÀM CÁC THỦ TỤC XIN GIẤY PHÉP TUYỂN DỤNG NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI, TUYỂN MỘ, NHẬN NGƯỜI HOẶC QUẢN LÝ NGƯỜI LAO ĐỘNG CUNG CẤP TƯ LIỆU HOẶC KHÁM SỨC KHOẺ KHÔNG ĐÚNG SỰ THẬT.

第五十四條 雇主聘僱外國人從事第四十六條第一項第八款至第十一款規定之工作,有下列情事之者,中央主管機關應不予核發招募許可、聘僱許可或展延聘僱許可;其已核發招募許可者,得終止引進:

ĐIỀU 54 CHỦ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NHẬN NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI LÀM CÁC CÔNG VIỆC THEO QUY ĐỊNH CỦA CÁC KHOẢN TỪ 8 ĐẾN KHOẢN 11 CỦA ĐIỀU 46, NẾU VI PHẠM NHỮNG ĐIỀU DƯỚI ĐÂY CƠ QUAN CHỦ QUẢN TRUNG ƯƠNG SẼ KHÔNG CẤP PHÁT GIẤY PHÉP TUYỂN MỘ, GIẤY PHÉP SỬ DỤNG HOẶC GIẤY PHÉP GIA HẠN; NHỮNG NGƯỜI ĐÃ ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP TUYỂN DỤNG SẼ BỊ NGỪNG KHÔNG GIẤY PHÉP:

一、於外國人預定工作之場所第十條規定之罷工或勞資爭議情事。

NƠI DỰ ĐỊNH LÀM VIỆC CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI CÓ BÃI CÔNG HOẶC TRANH CHẤP VỀ TIỀN CÔNG THEO QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU 10.

二、於國內招募時,無正當理由拒絕聘僱公立就業服務機構所推介之人員或自行前往求職者。

KHI TUYỂN MỘ TRONG NƯỚC, KHÔNG CÓ LÝ DO CHÍNH ĐÁNG CỤ TUYỆT TUYỂN DỤNG NHÂN VIÊN HOẶC NGƯỜI ĐẾN XIN VIỆC MÀ CƠ QUAN PHỤC VỤ VIỆC LÀM CÔNG LẬP GIỚI THIỆU.

三、聘僱外國人行蹤不明或藏匿外國人達一定人數或比例。

TUYỂN DỤNG NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CÓ TUNG TÍCH KHÔNG RÕ RÀNG HOẶC GIẤU KÍN SỐ LƯỢNG HOẶC TỶ LỆ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI NHẤT ĐỊNH.

四、曾非法僱用外國人工作。

ĐÃ TỪNG SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI BẤT HỢP PHÁP.

五、曾非法解僱本國勞工。

ĐÃ TỪNG BẤT HỢP PHÁP HỦY BỎ HỢP ĐỒNG VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG NƯỚC.

六、因聘僱外國人而降低本國勞工勞動條件,經當地主管機關查證屬實。

VÌ MỤC ĐÍCH TUYỂN DỤNG NGƯỜI NƯỚC NGOÀI MÀ GIẢM ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG TRONG NƯỚC, THÔNG QUA XÁC NHẬN ĐIỀU TRA CỦA CƠ QUAN CHỦ QUẢN ĐỊA PHƯƠNG.

七、聘僱之外國人妨害社區安寧秩序,經衣社會秩序維護法裁處。

NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC TUYỂN DỤNG GÂY TRỞ NGẠI TRẬT TỰ AN NINH CỦA KHU VỰC VÀ BỊ XỬ PHẠT THEO LUẬT BẢO VỆ TRẬT TỰ XÃ HỘI.



八、曾非法扣留或侵占所聘僱外國人之護照、居留證或財物。

ĐÃ TỪNG THU GIỮ HOẶC XÂM PHẠM BẤT HỢP PHÁP HỘ CHIẾU, THẺ CƯ TRÚ HOẶC CỦA CẢ VẬT CHẤT CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI.

九、所聘僱外國人遣送出國所需旅費及收容期間之必要費用,經限期繳納屆期不繳納。

CHI PHÍ ĐƯA TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI VỀ NƯỚC VÀ CHI PHÍ CẦN THIẾT TRONG THỜI GIAN THU DUNG KHÔNG CHI TRẢ THEO THỜI GIAN QUY ĐỊNH NH.

十、於委任招募外國人時,向私立就業服務機構要求、期約或收受不正利益。

KHI ỦY QUYỀN TUYỂN MỘ NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI ĐƯA RA NHỮNG YÊU CẦU, THỜI HẠN HỢP ĐỒNG HOẶC THU NHẬN LỢI ÍCH KHÔNG CHÍNH ĐÁNG ĐỐI VỚI CƠ QUAN PHỤC VỤ VIỆC LÀM TƯ NHÂN.

十一、於辦理聘僱外國人之申請許可、招募、引進或管理事項,提供不實資料。

ĐƯA RA NHỮNG TƯ LIỆU KHÔNG SÁT THỰC TRONG KHI LÀM THỦ TỤC XIN GIẤY PHÉP NHẬN NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, TUYỂN MỘ, ĐƯA VÀO HOẶC QUẢN LÝ NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI.

十二、刊登不實之求才廣告。

ĐĂNG QUẢNG CÁO TUYỂN NGƯỜI KHÔNG ĐÚNG YÊU CẦU THỰC TẾ.

十三、不符申請規定經限期補正,屆期未補正。

KHÔNG PHÙ HỢP QUY ĐỊNH NH XIN TUYỂN NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CẦN PHẢI BỔ SUNG THÊM TÀI LIỆU CHÍNH THỨC NHƯNG QUÁ HẠN KHÔNG BỔ SUNG.

十四、違反本法或依第四十八條第二項、第三項、第四十九條所發布之命令。

VI PHẠM BỘ LUẬT NÀY HOẶC VI PHẠM KHOẢN 2 KHOẢN 3 ĐIỀU 48 VÀ ĐIỀU 49.

十五、其他違反保護勞工之法令情節重大者。

VI PHẠM PHÁP LỆNH BẢO HỘ NGƯỜI LAO ĐỘNG TÌNH TIẾT NGHIÊM TRỌNG KHÁC.

前項第三款之第十五款規定情事,以申請之日前二年內發生者為限。

SỰ VIỆC QUY ĐỊNH Ở KHOẢN 3 VÀ KHOẢN 15 CỦA MỤC TRÊN GIỚI HẠN ĐỐI VỚI THỜI GIAN TRONG VÒNG HAI NĂM TRƯỚC NGÀY XIN CẤP GIẤY PHÉP.

第一項第三款之人數比例,由中央主管機關公告之。

SỐ NGƯỜI VÀ TỶ LỆ Ở KHOẢN 1 VÀ KHOẢN 3 DO CƠ QUAN CHỦ QUẢN CÔNG CÁO.

第五十五條 聘僱外國人從事第四十六條第一項第八款至第十款規定之工作,應向中央主管機關設置之就業安定基金專戶繳納就業安定費,做為加強辦理有關促進國民就業、提升勞工福祉及處理有關外國人聘僱管理事務之用。

ĐIỀU 55

NHẬN NGƯỜI NƯỚC NGOÀI VÀO LÀM CÔNG VIỆC THEO QUY ĐỊNH NH CỦA KHOẢN 8 ĐẾN KHOẢN 10 CỦA MỤC 1 ĐIỀU 46 CẦN PHẢI CHUYỂN TIỀN PHÍ ỔN ĐỊNH NH CÔNG VIỆC VÀO QUỸ ỔN ĐỊNH NH CÔNG VIỆC CỦA CƠ QUAN CHỦ QUẢN TRUNG ƯƠNG, KHOẢN TIỀN NÀY DÙNG VÀO VIỆC THÚC ĐẨY CÔNG VIỆC CHO NGƯỜI DÂN TRONG NƯỚC VÀ NÂNG CAO PHÚC LỢI LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC QUẢN LÝ NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI.

前項就業安定費之數額,由中央主管機關考量國家經濟發展、勞動供需及相關勞動條件,並依其行業別及工作性質會商相關機關定之。

SỐ TIỀN PHÍ ỔN ĐỊNH NH NGHỀ NGHIỆP CỦA ĐIỀU KHOẢN TRÊN DO CƠ QUAN CHỦ QUẢN TRUNG ƯƠNG XEM XÉT QUY ĐỊNH NH CĂN CỨ VÀO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NỀN KINH TẾ QUỐC GIA, NHU CẦU LAO ĐỘNG VÀ ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LIÊN QUAN ĐỒNG THỜI CĂN CỨ VÀO TỪNG LOẠI HÌNH VÀ TÍNH CHẤT CỦA MỖI LOẠI HÌNH CÔNG VIỆC..

第一項受聘僱之外國人有連續曠職三日失去連繫或聘僱關係終止之情事,經雇主依規定通知而廢止聘僱許可者,雇主無須再繳納就業安定費。

NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC THUÊ DÙNG THEO ĐIỀU THỨ NHẤT NẾU LIÊN TỤC BA NGÀY KHÔNG LÀM VIỆC VÀ KHÔNG CÓ THÔNG BÁO GÌ HOẶC NGỪNG THUÊ DÙNG, CHỦ SỬ DỤNG TRÌNH BÁO THEO LUẬT ĐỊNH NH VÀ HUỖY BỎ GIẤY PHÉP NHẬN NGƯỜI, CHỦ SỬ DỤNG SẼ KHÔNG CẦN PHẢI TIẾP TỤC NỘP TIỀN PHÍ ỔN ĐỊNH NH CÔNG VIỆC NỮA,

雇主未依規定期限繳納就業安定費者,得寬限三十日;於寬限期滿仍未繳納者,自寬限期滿之翌日起至完納前一日止,每逾一日加徵其未繳就業安定費百分之一滯納金。但以其未繳之就業安定費一倍為限。

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG KHÔNG NỘP TIỀN PHÍ ỔN ĐỊNH NH CÔNG VIỆC ĐÚNG THỜI HẠN QUY ĐỊNH NH, CÓ THỂ NỘP VÀO THỜI GIAN MỞ RỘNG 30 NGÀY SAU HẠN; NẾU QUÁ THỜI GIAN MỞ RỘNG NÀY VẪN KHÔNG NỘP TÍNH TỪ NGÀY HẾT THỜI HẠN MỞ RỘNG ĐẾN NGÀY TRƯỚC NGÀY NỘP PHÍ 1 NGÀY CỨ QUÁ HẠN 1 NGÀY SẼ TÍNH THÊM 1% PHÍ TỒN ĐỘNG. NHƯNG HẠN MỨC SỐ TIỀN KHÔNG VƯỢT QUÁ SỐ TIỀN PHÍ ỔN ĐỊNH NH CÔNG VIỆC.

加徵前項滯納金三十日後,雇主仍未繳納者,由中央主管機關就其未繳納之就業安定費及滯納金移送強制執行,並廢止其聘僱許可之一部或全部。

SỐ TIỀN PHẠT TỒN ĐỘNG PHÍ ỔN ĐỊNH NH CÔNG VIỆC NẾU SAU 30 NGÀY MÀ CHỦ SỬ DỤNG VẪN KHÔNG NỘP THÌ CƠ QUAN CHỦ QUẢN TRUNG ƯƠNG SẼ CHUYỂN SỐ TIỀN PHÍ ỔN ĐỊNH NH CÔNG VIỆC VÀ TIỀN PHẠT TỒN ĐỘNG



SANG CƯỜNG CHẾ NỘP, ĐỒNG THỜI HUỖ BỎ 1 PHẦN HOẶC TOÀN BỘ GIẤY PHÉP TUYỂN DỤNG NGƯỜI NƯỚC NGOÀI.

主管機關並應定期上網公告基金運用之情形及相關會議記錄。

CƠ QUAN CHỦ QUẢN LIÊN QUAN CẦN PHẢI ĐI NH KỲ THÔNG BÁO BIÊN BẢN HỘI NGHỊ VỀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG CŨNG NHƯ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN CỦA QUỸ PHÍ ỔN ĐỊNH NGHỀ NGHIỆP TRÊN MẠNG.

第五十七條 雇主聘僱外國人不得有下列情事:

ĐIỀU 57 NGƯỜI CHỦ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI KHÔNG ĐƯỢC CÓ NHỮNG HÀNH VI SAU:

一、聘僱未經許可、許可失效或他人所申請聘僱之外國人。

GIẤY PHÉP CHƯA ĐƯỢC THÔNG QUA, HẾT HIỆU LỰC HOẶC THUÊ DÙNG NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI DO NGƯỜI KHÁC MỜI SANG LÀM VIỆC.

二、以本人名義聘僱外國人為他人工作。

DÙNG DANH NGHĨA CỦA MÌNH MỜI NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI SANG LÀM VIỆC CHO NGƯỜI KHÁC.

三、指派所聘僱之外國人從事許可以外之工作。

SAI KHIẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC MỜI SANG LÀM NHỮNG CÔNG VIỆC KHÔNG NẪM TRONG PHẠM VI GIẤY PHÉP QUY ĐỊNH NH.

四、未經許可,指派所聘僱從事第四十六條第一項第八款至第十款規定工作之外國人變更工作場所。

KHÔNG ĐƯỢC CẤP PHÉP MÀ SAI KHIẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC MỜI SANG LÀM VIỆC THEO QUY ĐỊNH NH CỦA KHOẢN 8 ĐẾN KHOẢN 10 CỦA MỤC THỨ NHẤT ĐIỀU 46 THAY ĐỔI ĐIỂM A ĐIỂM LÀM VIỆC.

五、未依規定安排所聘僱之外國人接受健康檢查或未依規定將健康檢查結果函報衛生主管機關。

SẮP SẾP NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI TIẾP NHẬN KHÁM SỨC KHOẺ KHÔNG THEO QUY ĐỊNH NH HOẶC CUNG CẤP PHIẾU KHÁM SỨC KHOẺ CHO CƠ QUAN Y TẾ CHỦ QUẢN ĐIỂM A PHƯƠNG KHÔNG THEO QUY ĐỊNH NH.

六、聘僱外國人致生解僱或資遣本國勞工之結果。

VÌ NGƯỜI CHỦ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG KHÔNG TIẾP TỤC THUÊ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI HOẶC KHÔNG THUÊ NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG NƯỚC.

七、對所聘僱之外國人以強暴脅迫或其他非法之方法,強制其從事勞動。

DÙNG CÁCH THỨC ÉP BUỘC ĐE DOA HOẶC CÁC CÁCH THỨC PHI PHÁP KHÁC CƯỜNG BỨC NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC.

八、非法扣留或侵占所聘僱外國人之護照、居留證件或財物。

THU GIỮ VÀ XÂM CHIẾM HỘ CHIẾU, THẺ CƯ TRÚ, GIẤY TỜ HOẶC TÀI SẢN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG MỘT CÁCH BẤT HỢP PHÁP.

九、其他違反本法或依本法所發布之命令。

VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH NH KHÁC CỦA BỘ LUẬT NÀY HOẶC CÁC MỆNH LỆNH DO BỘ LUẬT NÀY BAN HÀNH.

第七十三條 雇主聘僱之外國人,有下列情事之一者,廢止其聘僱許可

ĐIỀU 73 NGƯỜI CHỦ LAO ĐỘNG MỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI CÓ NHỮNG HÀNH VI SAU SẼ BỊ HUỖ GIẤY PHÉP THUÊ DÙNG LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI:

一、為申請許可外之雇主工作。

LÀM VIỆC CHO CHỦ SỬ DỤNG KHÔNG CÓ GIẤY PHÉP THUÊ DÙNG NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI.

二、非依雇主指派即自行從事許可以外之工作。

KHÔNG CÓ LỆNH CỦA CHỦ SỬ DỤNG MÀ TỰ ĐỘNG LÀM CÁC CÔNG VIỆC KHÔNG NẪM TRONG PHẠM VI CHO PHÉP.

三、連續曠職三日失去聯繫或聘僱關係終止。

BA NGÀY LIÊN KHÔNG LÀM VIỆC VÀ KHÔNG CÓ LIÊN LẠC GÌ VỚI CHỦ SỬ DỤNG HOẶC CHẤM DỨT QUAN HỆ THUÊ DÙNG.

四、拒絕接受健康檢查、提供不實檢體、檢查不合格、身心狀況無法勝任所指派之工作或罹患經中央衛生主管機關指定之傳染病。

KHÔNG CHẤP NHẬN KHÁM SỨC KHOẺ, CUNG CẤP KHÁM SỨC KHOẺ KHÔNG THẬT, KHÁM SỨC KHOẺ KHÔNG ĐẠT, TÌNH TRẠNG SỨC KHOẺ KHÔNG ĐÁP ỨNG ĐƯỢC YÊU CẦU CÔNG VIỆC HOẶC MẮC PHẢI CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM MÀ CƠ QUAN Y TẾ CHỦ QUẢN TRUNG ƯƠNG CHỈ ĐỊNH NH.

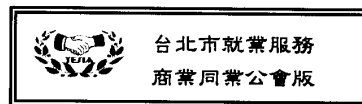
五、違反依第四十八條第二項、第三項、第四十九條所發布之命令,情節重大。

VI PHẠM CÁC MỆNH LỆNH BAN HÀNH CỦA MỤC 2 VÀ MỤC 3 TRONG ĐIỀU 48 VÀ ĐIỀU 49, MỨC ĐỘ NGHIÊM TRỌNG.

六、違反其他中華民國法令,情節重大。

VI PHẠM CÁC PHÁP LỆNH KHÁC CỦA NƯỚC TRUNG HOA DÂN QUỐC, MỨC ĐỘ NGHIÊM TRỌNG.

七、依規定應提供資料,拒絕提供或提供不實。



KHÔNG CUNG CẤP NHỮNG TƯ LIỆU THEO QUY ĐỊNH HOẶC CUNG CẤP TƯ LIỆU KHÔNG THỰC.

雇主簽名：\_\_\_\_\_

日期：\_\_\_\_\_年\_\_\_\_\_月\_\_\_\_\_日

外勞簽名/NGƯỜI KÍ NHẬN \_\_\_\_\_

NGÀY \_\_\_\_\_ THÁNG \_\_\_\_\_ NĂM \_\_\_\_\_